

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang năm 2020

I. KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2019

1. Ứng dụng công nghệ thông tin để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Hệ thống Cổng thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh Kiên Giang (kiengiang.gov.vn) được xây dựng theo mô hình đồng bộ về công nghệ, liên thông về dữ liệu, thông tin, gồm: 01 Cổng chính và 51 Cổng thành phần, trong đó có 22 Cổng TTĐT của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; 15 Cổng TTĐT các huyện, thành phố và 14 Cổng TTĐT các xã, phường, thị trấn; đáp ứng đầy đủ về danh mục và tin tức theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên trang TTĐT hoặc cổng TTĐT của cơ quan nhà nước.

Cổng TTĐT được liên thông với Cổng Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), đảm bảo cho việc công khai thông tin về thủ tục hành chính (TTHC), quá trình xử lý và kết quả giải quyết hồ sơ TTHC các cơ quan nhà nước trên toàn tỉnh.

Đến năm 2019 đã có 14.468.673 lượt truy cập để khai thác thông tin trên Cổng TTĐT; riêng năm 2019 có 5.967.793 lượt truy cập và 2.120 tin, bài đã được đăng trên Cổng TTĐT tỉnh.

2. Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử

DVCTT của tỉnh được cung cấp theo mô hình tập trung tại Cổng DVCTT tỉnh Kiên Giang, địa chỉ: dichvucong.kiengiang.gov.vn, đảm bảo 100% các TTHC được cung cấp trực tuyến với 1.475 DVCTT mức độ 1 và 2, 409 mức độ 3 và 310 mức độ 4. Danh mục các DVCTT ưu tiên triển khai đảm bảo đáp ứng đúng theo Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 và Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng Cổng DVCTT, tỉnh đã



triển khai thỏa thuận hợp tác với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam mô hình liên thông phần mềm và tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích; thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Công Thương Việt Nam xây dựng Cổng thanh toán trực tuyến. Hiện nay, Cổng DVCTT tỉnh đã kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC được các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh ngày càng quan tâm, chú trọng. Hiện nay, 100% các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đã triển khai và đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm Một cửa điện tử (MCĐT) để thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả TTHC. Việc triển khai đồng bộ duy nhất 01 phần mềm trong xử lý TTHC của tỉnh đảm bảo theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, cũng như tạo điều kiện thuận lợi khi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang đưa vào hoạt động.

Kết quả giải quyết được công khai và có thể tra cứu bằng nhiều phương tiện như: Tổng đài tin nhắn, Cổng TTĐT, Cổng DVCTT, kiosk thông tin,... Đặc biệt, tỉnh đã triển khai hoàn thành ứng dụng “KẾT QUẢ TTHC TỈNH KIÊN GIANG” trên thiết bị di động để người dân, doanh nghiệp và lãnh đạo quản lý dễ dàng kiểm soát, tra cứu tiến độ giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, nhằm khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận, sử dụng hiệu quả các DVCTT, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền với nhiều hình thức: Phát hành định kỳ chuyên mục “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT” trên Báo Kiên Giang (trong năm 2019 đã phát hành 16 kỳ); định kỳ phát chuyên mục “Chính quyền điện tử” trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kiên Giang (trong năm 2019 đã phát 24 kỳ), xây dựng các video clip hướng dẫn sử dụng DVCTT, in 10.000 tờ rơi đặt tại nơi làm việc của Bộ phận một cửa của các đơn vị để phát cho người dân khi đến thực hiện TTHC,... Ngoài ra, tỉnh cũng đã chỉ đạo Đài Truyền thanh các huyện, thành phố cho phát thanh các bài viết liên quan đến việc cung cấp các DVCTT trên môi trường mạng giúp người dân, doanh nghiệp có cái nhìn tổng quan về vấn đề cải cách hành chính của tỉnh.

Đến cuối năm 2019, hệ thống MCĐT tỉnh Kiên Giang đã tiếp nhận và xử lý trên hệ thống 73.502 hồ sơ (mức độ 3 là 3.972 hồ sơ, mức độ 4 là: 5.991 hồ sơ), trong đó các cơ quan cấp tỉnh tiếp nhận khoảng 14.304 hồ sơ, cấp huyện hơn 43.806 và cấp xã hơn 15.392 hồ sơ.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan nhà nước

a) Triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành, sử dụng văn bản điện tử

Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (QLVB-HSCV) đã triển khai đồng bộ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giúp nâng cao hiệu quả việc gửi, nhận văn bản điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hiện nay, đã thực hiện kết nối, liên thông phần mềm QLVB-HSCV đến tất cả các sở, ngành tỉnh, đơn vị cấp huyện, cấp xã (22 đơn vị sở, ban, ngành cấp tỉnh, 15 đơn vị cấp huyện, 145 đơn vị cấp xã và 327 phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) và liên thông trực liên thông văn bản quốc gia. Trong năm 2019, có 1.442.584 lượt văn bản điện tử được triển khai thực hiện gửi, nhận trên môi trường mạng. Số liệu văn bản đã luân chuyển trên môi trường mạng năm 2019, cụ thể:

- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển trên môi trường mạng (trừ văn bản mật) so với tổng số văn bản đi/đến giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh là 90%.

- Tỷ lệ cơ quan thực hiện kết nối, liên thông các hệ thống QLVB và điều hành từ cấp tỉnh đến cấp huyện là 100 %.

- Tỷ lệ cơ quan thực hiện kết nối, liên thông các hệ thống QLVB và điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã là 100 %.

- Tổng số văn bản đi thống kê trên hệ thống QLVB và điều hành tại bộ phận văn thư của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 8.310 văn bản.

- Thống kê văn bản giấy: Tổng số văn bản đi thống kê trên sổ đăng ký văn bản đi tại bộ phận văn thư của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 8.310 văn bản.

b) Ứng dụng chữ ký số: Việc ứng dụng chữ ký số cũng được quan tâm, đẩy mạnh sử dụng. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 543 chữ ký số được cấp cho các cơ quan nhà nước, trong đó tổng số người có thẩm quyền ký các văn bản của cơ quan nhà nước các cấp (cán bộ có chức danh lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước của tỉnh, gọi tắt là cán bộ lãnh đạo) là 272; các cơ quan nhà nước của tỉnh được cấp chứng thư số là 273 (chữ ký tập thể); số cán bộ, công chức của tỉnh (không tính cán bộ lãnh đạo nêu trên) là 58. Tỉnh cũng đã hoàn thành việc tích hợp chữ ký số trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và thí điểm ký số trên thiết bị di động. Ngoài ra, hầu hết các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đều sử dụng chữ ký số công cộng trong xử lý công việc, giao dịch với kho bạc.

c) Hệ thống thư điện tử công vụ: Hiện nay đã cấp 5.146 hộp thư của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đảm bảo việc gửi nhận văn bản nhanh chóng, kịp thời và đảm bảo an toàn thông tin.

d) Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh: Hiện nay, hệ thống đã triển khai kết nối từ Ủy ban nhân dân tỉnh đến Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân 15 huyện, thành phố. Trong năm 2019, đã hoàn thành việc triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến giữa cấp huyện và cấp xã tại 05 đơn vị (Phú Quốc, Kiên Hải, Giang Thành, Vĩnh Thuận,

An Minh) với tổng số 44 điểm cầu tại cấp xã.

Kết quả, đã tổ chức được 128 cuộc họp trực tuyến với 38.283 lượt đại biểu tham dự. Trong đó:

- Tổ chức các đầu cầu của tỉnh là 57 cuộc họp với 16.971 đại biểu tham dự.

- Tổ chức cuộc họp với Chính phủ 37 cuộc họp với 12.326 đại biểu tham dự.

- Tổ chức cuộc họp từ huyện đến xã là 34 cuộc họp với 8.986 lượt

đ. Các sở, ngành tỉnh cũng đã tăng cường việc ứng dụng CNTT để góp phần nâng cao hiệu quả trong thực thi công vụ, điển hình như:

- Ngành Giáo dục và Đào tạo: Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục và đào tạo ngày càng được đẩy mạnh, đã triển khai sử dụng thống nhất, đồng bộ các phần mềm ứng dụng trong toàn ngành như: Phần mềm quản lý trường học, sổ liên lạc điện tử (SMAS 3.0), phần mềm quản lý nhân sự (PMIS), hệ thống sinh hoạt chuyên môn trường trực tuyến (truonghocketnoi.edu.vn), quản lý thống kê giáo dục EMIS, hệ thống quản lý phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại 15 huyện/thành phố, trang bị các phần mềm hỗ trợ dạy và học cho toàn bộ giáo viên, học sinh của ngành.

- Ngành Y tế tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế, phần mềm quản lý nhà thuốc, qua đó đã giúp ngành thực hiện tốt công tác quản lý bệnh nhân, quản lý thuốc, khám chữa bệnh, quản lý tài chính, quản lý các cơ sở bán lẻ thuốc...trên phạm vi toàn tỉnh.

- Ngành Tài chính xây dựng hệ thống thông tin trao đổi dữ liệu giữa Tài chính - Thuế - Kho bạc cấp tỉnh - huyện kết nối liên thông với Trung tâm dữ liệu Bộ Tài chính. Triển khai hệ thống TABMIS phục vụ quản lý công tác tài chính kế toán đến cấp xã; phần mềm quản lý ngân sách các cấp; cấp mã số đối tượng sử dụng ngân sách nhà nước, quản lý tài sản sau kiểm kê, kế toán tài chính - ngân sách xã.

- Ngành Giao thông vận tải triển khai đồng bộ việc cấp đổi giấy phép lái xe bằng vật liệu PET; ứng dụng dịch vụ công mức độ 4 về cấp đổi giấy phép lái xe, giảm thiểu các TTHC, giảm thiểu thời gian đi lại và giảm chi phí cho người dân, giúp dễ dàng xác minh thông tin trong việc cấp đổi giấy phép lái xe và lực lượng công an có thể truy nhập để xác minh tính hợp pháp của giấy phép lái xe.

- Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ứng dụng tốt các phần mềm: Quản lý kinh phí hành chính sự nghiệp, quản lý nhân sự, theo dõi diễn biến rừng, theo dõi dự báo dịch hại trên cây trồng, theo dõi quan trắc môi trường nước... Thông qua Website, đưa thông tin khoa học - kỹ thuật, công nghệ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và thông tin thị trường nông sản đến với người dân.

- Ngành Tài nguyên - Môi trường đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong triển khai xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; ứng dụng phần mềm chuyên ngành quản lý đất, cấp quyền sử dụng đất VILIS.

- Ngành tư pháp ứng dụng CNTT trong xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và chương trình quản lý hộ tịch đến cấp xã.

- Ngành Văn hóa và Thể thao đẩy mạnh tin học hóa trong quản lý hành chính, thông qua việc sử dụng các phần mềm phục vụ công tác văn phòng, công tác kế toán, quản lý tài sản, quản lý công chức, viên chức... Sử dụng phần mềm CNTT trong công tác quản lý thư viện, kết nối với mạng diện rộng của tỉnh.

- Ngành Khoa học và Công nghệ thực hiện tốt việc ứng dụng CNTT trong xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực có trình độ sau đại học; cơ sở dữ liệu về kiểm định; cơ sở dữ liệu về các đề tài khoa học.

- Ngành Nội vụ triển khai hệ thống thi tuyển công chức bằng phần mềm trên máy tính, thực hiện nguyên tắc khách quan, công bằng trong tuyển dụng công chức, bảo đảm lựa chọn được người có đủ năng lực, phẩm chất,...

- Ngành Công Thương đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong thực hiện thương mại điện tử.

4. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng CNTT các cơ quan nhà nước được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu. Hệ thống Trung tâm dữ liệu tập trung của tỉnh với các máy chủ, cùng các thiết bị mạng và bảo mật được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, hiện đã có hơn 80 máy chủ phục vụ việc triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung trong các cơ quan nhà nước và đảm bảo an toàn thông tin. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được trang bị máy tính sử dụng trong công việc bình quân đạt 97,5%. Trong đó, cấp tỉnh và cấp huyện đạt 100%, cấp xã tỷ lệ này đạt 95%; 100% cơ quan, đơn vị các cấp tỉnh, cấp huyện triển khai kết nối mạng nội bộ, Internet và mạng diện rộng của tỉnh; tỷ lệ máy tính được kết nối Internet tại các cơ quan nhà nước đạt trên 98%.

5. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin

Hiện nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước biết sử dụng máy vi tính trong xử lý công việc; 100% cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến huyện đều có cán bộ phụ trách CNTT; trung bình mỗi huyện có 1,13 cán bộ phụ trách CNTT. Về số lượng, toàn tỉnh có 70 cán bộ phụ trách CNTT, trong đó 53 người cấp tỉnh và 17 người ở cấp huyện. Về chất lượng, hiện có 02 thạc sĩ, 61 đại học, 02 cao đẳng và 05 trung cấp làm việc trong các cơ quan nhà nước. Nhìn chung, đội ngũ nhân lực phụ trách về CNTT cơ bản ổn định, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

Năm 2019, tỉnh đã tổ chức 04 lớp tập huấn nâng cao kiến thức về ứng

dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh với 92 học viên; 05 lớp bồi dưỡng, tập huấn chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT với 115 học viên; 03 lớp tập huấn bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh với 60 học viên; 02 lớp bồi dưỡng phát triển đội ngũ đảm bảo an toàn thông tin và ứng cứu sự cố máy tính trên địa bàn tỉnh với 40 học viên.

Ngoài ra, tỉnh chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo theo Đề án 99 của Chính phủ nhằm nâng cao kiến thức về công tác đảm bảo an toàn thông tin.

6. Môi trường pháp lý

Trong thời gian qua, trên cơ sở quán triệt và thực hiện nghiêm các văn bản pháp quy, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều văn bản tạo môi trường pháp lý thuận lợi trong việc triển khai các ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh, cụ thể như:

- Chương trình hành động số 64-CTr/TU ngày 09/9/2015 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 07/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 03/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 22/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống MCĐT tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

- Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang phiên bản 1.0;



- Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Đội Ứng cứu sự cố máy tính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 14/09/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu CNTT tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2019-2020;

- Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 21/08/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mã định danh các cơ quan, đơn vị nhà nước phục vụ kết nối, liên thông các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế ứng dụng phần mềm QLVB-HSCV trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế ứng dụng “Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 22/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

Việc xây dựng và triển khai các văn bản tạo môi trường pháp lý trong việc triển khai các ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã góp phần nâng cao nhận thức về CNTT đối với các cấp, các ngành. Nhiều cơ quan, đơn vị quan tâm đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ có hiệu quả hoạt động của cơ quan, giúp tiết kiệm chi phí, thời gian.

7. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch năm 2019, Kế hoạch 5 năm

Theo Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước

năm 2019 và giai đoạn 2016-2020, Kiên Giang cơ bản đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu đề ra, cụ thể:

7.1. Đánh giá các mục tiêu Kế hoạch năm 2019:

- Kết nối liên thông phần mềm QLVB-HSCV từ cấp tỉnh đến cấp xã: **Đạt.**
- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ: **Đạt.**
- Xây dựng cơ sở dữ liệu một số ngành, lĩnh vực và các hệ thống thông tin quan trọng tạo nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử: **Đạt.**
- Tuyên truyền nâng cao hiệu quả hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến và tăng cường xử lý hồ sơ trực tuyến trên môi trường mạng: **Đạt.**
- Nâng cấp, phát triển hạ tầng kỹ thuật CNTT, các hệ thống thông tin: **Đạt.**
- 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ văn bản mật): **Đạt.**
- 40% DVCTT mức độ 3 và 15% DVCTT mức độ 4 có phát sinh hồ sơ: **Chưa đạt.**
- 100% cán bộ, công chức được cấp hộp thư điện tử công vụ: **Đạt.**

7.2. Đánh giá các mục tiêu Kế hoạch 2016-2020:

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh Kiên Giang và các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ: **Đạt.**
- Cung cấp một số dịch vụ công được ưu tiên cung cấp trực tuyến mức độ 4 đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ người dân và doanh nghiệp: **Đạt.**
- Hoàn thiện đưa vào vận hành chính thức Cổng dịch vụ công của tỉnh và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia: **Đạt.**
- 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và được trang bị hệ thống MCĐT hiện đại; 100% Ủy ban nhân dân cấp xã được triển khai phần mềm MCĐT liên thông giữa cấp xã và cấp huyện: **Đạt.**
- 40% hồ sơ TTHC nộp qua mạng: **Chưa đạt.**
- 50% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh được nộp qua mạng: **Chưa đạt.**
- Tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20%: **Chưa đạt.**
- Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận qua mạng đạt 10%: **Chưa đạt.**

- 100% văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy): **Đạt**.

- 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy): **Đạt**.

- Tăng cường các cuộc họp giữa cấp tỉnh với cấp huyện, cấp huyện với cấp xã được tổ chức theo hình thức trực tuyến: **Đạt**.

- Triển khai chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước, từng bước thay thế phương pháp trao đổi văn bản truyền thống bằng phương pháp trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng: **Đạt**.

- Triển khai đô thị thông minh tại huyện Phú Quốc: Đã hoàn thiện giai đoạn I (dự kiến năm 2020 sẽ tiếp tục triển khai giai đoạn II).

- 100% bệnh viện tỉnh, huyện và trên 80% trạm y tế xã, phường ứng dụng CNTT vào các hoạt động quản lý, điều hành, tác nghiệp, hỗ trợ khám và điều trị: **Đạt**.

- 100% cán bộ, y bác sỹ trong các bệnh viện tỉnh, huyện và trên 50% cán bộ của trạm y tế xã/phường biết sử dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn: **Đạt**.

- Phát triển mạng y tế của tỉnh phục vụ chẩn đoán, chữa bệnh từ xa. Kết nối hệ thống chẩn đoán bệnh từ xa giữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang với các bệnh viện đầu ngành tại Thành phố Hồ Chí Minh và các bệnh viện khác trong cả nước; giữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang với các bệnh viện đa khoa tuyến huyện trong tỉnh: **Chưa đạt** (hiện nay đang triển khai thí điểm, dự kiến năm 2020 sẽ đạt được mục tiêu này).

- Phát triển và hoàn thiện hệ thống mạng thông tin giáo dục EDUNET của tỉnh: **Đạt**.

- Đẩy mạnh sử dụng công nghệ GIS (hệ thống thông tin địa lý) phục vụ các quy hoạch chuyên ngành và quản lý cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh: **Chưa đạt** (dự kiến năm 2020 sẽ đạt được chỉ tiêu này).

8. Đánh giá đầu tư cho xây dựng Chính quyền điện tử

ĐVT: Triệu đồng

T T	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kinh phí đã thực hiện	Nguồn vốn
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm dữ liệu tỉnh Kiên Giang phục vụ triển khai Chính quyền điện tử tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông (TTTT)	Hạ tầng CNTT	Đảm bảo khả năng triển khai các hệ thống CNTT của tỉnh	Trung tâm dữ liệu tỉnh	15.000	11.800	Sự nghiệp CNTT
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng nội bộ (LAN) trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã	Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Hạ tầng CNTT	Hoàn thiện hạ tầng CNTT các cơ quan nhà nước	Từ cấp tỉnh đến cấp xã	12.000	4.300	Sự nghiệp CNTT
3	Ứng dụng CNTT thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại sở, ngành cấp tỉnh, huyện, thành phố đến các xã, phường, thị trấn tỉnh Kiên Giang	Sở TTTT	Cải cách hành chính	Tin học hóa công tác giải quyết thủ tục hành chính, góp phần hiện đại hóa hành chính	Từ cấp tỉnh đến cấp xã	25.200	22.700	Đầu tư phát triển và Sự nghiệp CNTT
4	Dự án nâng cấp tổng thể hệ thống thông tin tại Văn phòng UBND tỉnh, giai đoạn 2016-2018	Văn phòng UBND tỉnh	Hạ tầng CNTT và phần mềm ứng dụng	Hoàn thiện hạ tầng CNTT và nâng cấp các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh	Từ cấp tỉnh đến cấp xã	23.000	23.000	Đầu tư phát triển
5	Xây dựng Khung Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Kiên	Sở TTTT		Định hướng triển khai ứng dụng CNTT theo	Cấp tỉnh	500	500	Sự nghiệp CNTT

T T	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kinh phí đã thực hiện	Nguồn vốn
	Giang			Kiến trúc tổng thể				
6	Xây dựng, hoàn thiện nền tảng kết nối, chia sẻ quy mô cấp tỉnh – LGSP	Sở TTTT	Phần mềm CNTT	Tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu các hệ thống dùng chung của tỉnh và các hệ thống của Bộ, ngành Trung ương.	Cấp tỉnh	8.100	0	
7	Triển khai Cổng thông tin dịch vụ công của tỉnh, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 tới người dân và doanh nghiệp	Sở TTTT	Phần mềm CNTT	Cung cấp DVC trực tuyến mức độ 3, 4 phục vụ người dân, doanh nghiệp. Công khai, minh bạch kết quả giải quyết TTHC.	Từ cấp tỉnh đến cấp xã	4.100	2.900	Sự nghiệp CNTT
8	Tuyên truyền ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử, phục vụ cải cách hành chính	Sở TTTT	Tuyên truyền	Nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và người dân về xây dựng Chính quyền điện tử.	Từ cấp tỉnh đến cấp xã	1.500	950	Sự nghiệp CNTT
9	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ điều hành, quản lý tại các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành	Phần mềm CNTT	Phục vụ công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo các đơn vị	Cấp tỉnh	10.000	8.950	Sự nghiệp CNTT
10	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT	Sở TTTT	Đào tạo	Nâng cao trình độ CNTT cho cán bộ, công chức	Từ cấp tỉnh đến cấp xã	2.300	1.400	



T T	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kinh phí đã thực hiện	Nguồn vốn
11	Triển khai chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở TTTT	An toàn thông tin	Bảo đảm tính toàn vẹn của văn bản điện tử và an toàn trong các giao dịch điện tử	Từ cấp tỉnh đến cấp xã	1.720	1.630	Sự nghiệp CNTT
12	Ứng dụng CNTT phục vụ quản lý chuyên ngành tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành	Phần mềm CNTT; Hợp trực tuyến	Phục vụ công tác quản lý, điều hành của cơ quan, góp phần hiện đại hóa hành chính	Cấp tỉnh	10.600	7.800	Sự nghiệp CNTT
13	Hoạt động bảo đảm an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước	Sở TTTT	An toàn thông tin	Đảm bảo an toàn các hệ thống CNTT của tỉnh. Ứng phó, khắc phục các sự cố về ATTT	Từ cấp tỉnh đến cấp xã	1.500	1.280	Sự nghiệp CNTT
14	Duy trì, bảo trì, nâng cấp, vận hành, cước phí đường truyền các hệ thống thông tin.	Trung tâm CNTT&T T	Hạ tầng CNTT	Duy trì hoạt động hệ thống Trung tâm dữ liệu tỉnh Kiên Giang	Cấp tỉnh	7.500	4.700	Sự nghiệp CNTT
15	Các hoạt động sự nghiệp CNTT khác (hoạt động Ban Chỉ đạo CNTT, cơ quan chuyên trách CNTT; Hội thi Tin học trẻ; Hội thảo CNTT,...)	Sở TTTT; Tỉnh đoàn		Phục vụ các hoạt động sự nghiệp CNTT	Từ cấp tỉnh đến cấp xã	5.000	4.140	Sự nghiệp CNTT
Tổng cộng						128.020	96.050	

9. Những vướng mắc, tồn tại và nguyên nhân

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh của một số đơn vị còn bất cập do một số cán bộ lãnh đạo chưa nhận thấy rõ sự cần thiết, vai trò và tầm quan trọng của CNTT trong quản lý, điều hành và cải cách hành chính; chưa gương mẫu trong khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin đã được triển khai.

- Chưa có quy định, cơ sở pháp lý, hướng dẫn rõ ràng về chia sẻ, sử dụng và tái sử dụng thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước với nhau, giữa các cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp, chưa đủ cơ sở pháp lý về lưu trữ điện tử, giao dịch hành chính và thanh toán trực tuyến.

- Một số cán bộ, công chức chưa làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn; người dân còn ngại nộp hồ sơ TTHC trên môi trường mạng dẫn đến tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến chưa nhiều.

10. Kiến nghị, đề xuất

- Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành nghị định về kết nối, chia sẻ dữ liệu; quy định về lưu trữ điện tử và tính pháp lý của văn bản điện tử và các văn bản quy định việc sử dụng các văn bản điện tử trong giao dịch hành chính, thanh toán; ban hành tiêu chuẩn ngành, nghề với mức lương và chế độ đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ chuyên môn về CNTT; đưa vào hệ thống mục lục ngân sách nhà nước mục chi riêng về CNTT.

- Bộ Thông tin và Truyền thông sớm ban hành thông tư, văn bản hướng dẫn để thực hiện Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ; hướng dẫn các địa phương xây dựng nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh LGSP và kết nối với nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của quốc gia NGSP; hướng dẫn xây dựng Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) cấp tỉnh.

- Các Bộ, ngành chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia, quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải cho phép chia sẻ, kết nối dữ liệu để tích hợp vào các hệ thống thông tin của địa phương triển khai.

II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;

- Luật Giao dịch điện tử;

- Luật An toàn thông tin;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quy định

quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu CNTT giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các bộ, ngành, địa phương năm 2018-2019;

- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công dịch vụ công quốc gia;

- Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 1.0;

- Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang, phiên bản 1.0;

- Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 03/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 22/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020;

- Công văn số 2055/BTTTT-THH ngày 27/6/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước năm 2020.

III. MỤC TIÊU NĂM 2020

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, xây dựng có hiệu quả Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Cung cấp thông tin, DVCTT và nâng cao hiệu quả giải quyết hồ sơ, TTHC đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp; công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Duy trì hoạt động và đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; đầu tư về hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, đào tạo nguồn nhân lực CNTT,... tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang, hướng tới Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Đảm bảo hệ thống thông tin phục vụ Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0 khi được ban hành.

- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng giữa các cơ quan trên cơ sở Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang.

- Tiếp tục bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT dùng chung của tỉnh; xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tạo nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bí mật nhà nước.

- Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử tỉnh được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của tỉnh đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các DVCTT mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua hệ thống MCĐT của tỉnh.

- Tối thiểu 30% DVCTT thực hiện ở mức độ 4; xây dựng hoàn thiện Cổng DVCTT của tỉnh cung cấp giao diện cho thiết bị di động; 100% dịch vụ công được giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% các cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Cổng TTĐT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh công khai đầy đủ thông tin theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; 20% DVCTT sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện TTHC; 50% DVCTT xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.

- Nâng cao hiệu quả và đẩy mạnh ứng dụng phần mềm QLVB-HSCV để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử giữa các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng hoàn thiện phần mềm QLVB-HSCV của tỉnh cung cấp giao diện cho thiết bị di động; đảm bảo trên 95% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) dưới dạng điện tử và được ký số theo quy định Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ; tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Rút ngắn 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.

- Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ của tỉnh được gửi, nhận qua hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (không bao gồm nội dung mật).

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

- Duy trì, cập nhật và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0.

- Tập trung xây dựng nền tảng kết nối, chia sẻ quy mô cấp tỉnh - LGSP, bảo đảm khả năng kết nối, liên thông, tích hợp các hệ thống thông tin, chia sẻ thông tin qua mạng giữa các cơ quan trên cơ sở Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ một số cơ quan nhà nước theo hướng tập trung, hiện đại, đạt tiêu chuẩn, đảm bảo đủ năng lực phục vụ triển khai ứng dụng CNTT dùng chung, hướng đến xây dựng Chính quyền điện tử và đảm



bảo an toàn thông tin.

- Xây dựng Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng (SOC) nhằm đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin của tỉnh và theo dõi, giám sát các thông tin trên không gian mạng.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước

- Đẩy mạnh sử dụng hệ thống phần mềm QLVB-HSCV từ cấp tỉnh đến cấp xã nhằm nâng cao tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử và phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo trên hệ thống phần mềm.

- Triển khai sử dụng có hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh (@kiengiang.gov.vn) bảo đảm 100% công chức được cấp hộp thư công vụ để sử dụng trong công việc.

- Đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

- Duy trì phát huy hiệu quả hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ các cuộc họp của Trung ương và chỉ đạo, điều hành địa phương góp phần tiết kiệm chi phí hành chính; mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến đến các xã phường, thị trấn.

- Xây dựng, phát triển ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nội bộ, các ứng dụng chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù trong mỗi cơ quan (Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông,...).

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Duy trì, hoàn thiện Cổng DVCTT của tỉnh đảm bảo hoạt động ổn định phục vụ người dân và doanh nghiệp. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tăng số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến, kết hợp triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bảo đảm Cổng TTĐT tỉnh, các Cổng/trang Cổng TTĐT các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã được đầu tư hoạt động ổn định, cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 của Luật CNTT và Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- Nâng cấp, phát triển một số Trang Cổng TTĐT của các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo công nghệ Cổng (Portal).

- Nâng cấp hệ thống Cổng DVCTT, bổ sung và chuẩn hóa các DVCTT mức độ 3, 4 đảm bảo theo quy định của Chính phủ và lộ trình cung cấp dịch vụ công của tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ TTHC trực tuyến.

4. Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử

- Triển khai, đưa vào sử dụng hiệu quả một số hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung cấp thiết tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh.

- Phối hợp triển khai thực hiện, đưa vào khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia (theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông) tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

- Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ các quy hoạch chuyên ngành và quản lý cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp triển khai và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh: đấu thầu qua mạng; nộp thuế qua mạng; hải quan điện tử; hộ chiếu điện tử; bệnh án điện tử; thông tin, dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm xã hội,...

5. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức về kiến thức, kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin; tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống và an toàn thông tin; tập huấn, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ phụ trách CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Đào tạo, nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn cho Đội Ứng cứu sự cố máy tính trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phòng, chống các nguy cơ tấn công, xâm nhập hệ thống thông tin, khắc phục kịp thời các sự cố an toàn thông tin.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Công tác đảm bảo an toàn thông tin

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin các hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Đưa vào vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng và quản lý điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam.

- Phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Đội Ứng cứu sự cố máy tính

tỉnh Kiên Giang, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách CNTT nhằm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin.

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp môi trường chính sách

- Duy trì, cập nhật và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định về an toàn thông tin, ứng dụng chữ ký số, ứng dụng hệ thống phần mềm QLVB-HSCV, phần mềm Một cửa điện tử và Hệ thống thư điện tử công vụ,...

- Xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng; quy chế, quy định gắn kết chặt chẽ hoạt động ứng dụng CNTT của tổ chức, của cán bộ, công chức với công tác bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

2. Giải pháp tài chính

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, nhất là hệ thống thông tin tập trung nhằm đảm bảo phát huy tính đồng bộ, hiệu quả của các hoạt động ứng dụng CNTT.

- Cân đối, bố trí ngân sách tỉnh triển khai các chương trình, hoạt động ứng dụng CNTT nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang năm 2020.

- Xem xét, áp dụng hình thức thuê một số dịch vụ ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính tỉnh Kiên Giang.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát TTHC, chuẩn hóa quy trình, TTHC gắn với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia.

- Rà soát, bổ sung nội dung ứng dụng CNTT vào tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính của tỉnh đảm bảo phù hợp theo lộ trình và định hướng của Chính phủ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về việc ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính thông qua các chương trình đối thoại trực tiếp về cải cách hành

chính, phát hành trên báo giấy, phát tờ rơi,...

4. Giải pháp bảo đảm an toàn thông tin

- Xác định đảm bảo an toàn thông tin là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với hoạt động ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT để đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt và đảm bảo an toàn thông tin.

- Quán triệt thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin; nâng cao nhận thức về trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin của từng cá nhân trong cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin cho cán bộ phụ trách CNTT nhằm nâng cao năng lực, khả năng xử lý khi có sự cố xảy ra.

- Rà soát, đánh giá các hệ thống thông tin trọng yếu tỉnh theo cấp độ.

5. Giải pháp tổ chức

- Tiếp tục kiện toàn, phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tham mưu thực hiện Kế hoạch đạt mục tiêu tỉnh đề ra.

- Phát huy vai trò của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc chỉ triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị mình; kết hợp chặt chẽ việc triển khai thực hiện Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính của tỉnh.

- Tăng cường năng lực cho cơ quan chuyên trách về CNTT, nâng cao năng lực cán bộ phụ trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị để đáp ứng được yêu cầu ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Tổng kinh phí sự nghiệp CNTT tỉnh năm 2020 là: 58.000.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ đồng), chi cho các chương trình, dự án, hoạt động ứng dụng CNTT ưu tiên triển khai trong năm 2020 (có Phụ lục đính kèm).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh

Phát huy hiệu quả vai trò của Ban Chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang năm 2020; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ của kế hoạch và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh ứng dụng hệ thống phần mềm QLVB-HSCV của tỉnh đảm bảo đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra, rà soát các TTHC công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố các quy trình giải quyết TTHC có tính chất liên thông giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về CNTT của Sở Thông tin và Truyền thông, thực hiện tốt vai trò cơ quan chuyên trách CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh; nghiên cứu, đề xuất cải tiến quy trình thẩm định các chương trình, dự án, hoạt động ứng dụng CNTT nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, bảo đảm việc tuân thủ chặt chẽ các quy định của nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các sở, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập các dự án, kế hoạch chi tiết, tổ chức thực hiện đạt mục tiêu kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang năm 2020.

- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về các lợi ích trong việc xây dựng Chính quyền điện tử; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tuyên truyền nâng cao nhận thức về CNTT và ATTT cho cán bộ, công chức viên chức.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các doanh nghiệp nghiên cứu và triển khai thí điểm việc thuê dịch vụ CNTT theo quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện đồng bộ cơ chế một cửa, mở rộng việc thực hiện cơ chế liên thông tại các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện để tạo điều kiện triển khai ứng dụng CNTT hiệu quả.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính tỉnh Kiên Giang; tiếp tục theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

5. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện cân đối, phân bổ, cấp phát nguồn kinh phí sự nghiệp CNTT tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, dự án, hoạt động ứng dụng CNTT ưu tiên triển khai trong năm 2020.

- Hướng dẫn chuyên môn cho các đơn vị sử dụng ngân sách triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.



6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện cân đối, phân bổ, cấp phát nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, dự án, hoạt động ứng dụng CNTT ưu tiên triển khai trong năm 2020.

- Hướng dẫn chuyên môn cho các đơn vị sử dụng ngân sách triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai ứng dụng ISO điện tử trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

- Hỗ trợ các cơ quan nhà nước nghiên cứu phát triển những phần mềm mang tính cấp thiết; thực hiện chuyển giao công nghệ, nhân rộng các giải pháp, mô hình, hệ thống CNTT trong và ngoài tỉnh đã triển khai có hiệu quả.

8. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tổ chức thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, bảo đảm đồng bộ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục rà soát cải tiến quy trình công việc, thủ tục và chuẩn hoá nghiệp vụ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 để triển khai ứng dụng CNTT hiệu quả.

- Tăng cường sử dụng các hệ thống CNTT đã đầu tư như: Hệ thống QLVB-HSCV, hệ thống thư điện tử, hệ thống MCDT,...; chỉ đạo thực hiện áp dụng quy trình MCDT tại cơ quan, địa phương đối với tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương mình đảm bảo công tác tiếp nhận, hoàn trả kết quả hồ sơ của tất cả các TTHC được thực hiện tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Chủ động triển khai các biện pháp tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp về các dịch vụ công được cung cấp bằng hình thức trực tuyến thuộc trách nhiệm của cơ quan, địa phương; phổ biến các chính sách đến các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khi giao dịch trực tuyến với cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Nghiên cứu áp dụng và triển khai các phần mềm, ứng dụng chuyên ngành, hệ thống CNTT trong các hoạt động nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu công tác đặc thù tại mỗi cơ quan, đơn vị.

- Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ưu tiên bố trí ngân sách cho ứng dụng CNTT tại địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch theo yêu cầu, hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan cấp trên.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang, Cổng thông tin điện tử tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương.

Trên đây là kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang năm 2020. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các sở, ngành, địa phương báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông - cơ quan Thường trực, để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Quốc gia về CPĐT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ CQĐT tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Trung tâm: THCB, PVHCC;
- Lưu: VT, ltrtram.

CHỦ TỊCH



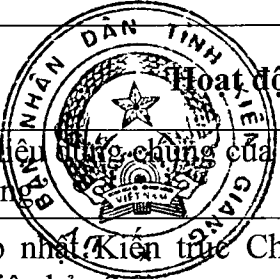
Phạm Vũ Hồng



PHỤ LỤC I
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2020
ỨNG DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Kèm theo Kế hoạch số 176 /KH-UBND ngày 27 / 12 /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

ĐVT: Đồng

STT	Hoạt động ứng dụng CNTT	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kinh phí	Ghi chú
I	Ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực quản lý điều hành của các cơ quan Nhà nước				
1	Đầu tư trang bị hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Giồng Riềng	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện Giồng Riềng	2.100.000.000	Theo Công văn số 3242/VP-VHXH của VP. UBND tỉnh
2	Xây dựng phòng họp trực tuyến và hệ thống camera Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh		800.000.000	
3	Đầu tư, nâng cấp hệ thống phần mềm công báo điện tử tỉnh Kiên Giang	Văn phòng UBND tỉnh		600.000.000	
4	Mua sắm trang thiết bị và xây dựng phần mềm quản lý, số hóa hồ sơ lưu trữ Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh		82.000.000	
5	Triển khai hệ thống thông tin phục vụ các kỳ họp HĐND, UBND, Đại hội Đảng bộ tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		1.200.000.000	
6	Nâng cấp hệ thống đảm bảo an toàn thông tin mạng tại Sở Tài chính	Sở Tài chính		1.000.000.000	
7	Lập Đề cương và dự toán chi tiết “Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý chuyên ngành Công Thương”	Sở Công Thương		50.000.000	
8	Lập Đề cương và dự toán chi tiết “Xây dựng hệ thống cơ sở	Sở Giáo dục và		100.000.000	



STT	Hoạt động ứng dụng CNTT	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kinh phí	Ghi chú
	dữ liệu ứng dụng của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang	Đào tạo			
9	Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang (phiên bản 2.0)	Sở Thông tin và Truyền thông		490.000.000	
10	Triển khai hệ thống phần mềm chấm điểm Chính quyền điện tử Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		450.000.000	
11	Triển khai hệ thống phần mềm chấm điểm cải cách hành chính tỉnh Kiên Giang	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	450.000.000	
12	Triển khai hệ thống phần mềm giám sát, giao việc điện tử của Sở Thông tin và truyền thông	Sở Thông tin truyền thông		100.000.000	
13	Nâng cấp bản quyền thiết bị tường lửa tại các sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	VP.UBND tỉnh	Các sở ngành, UBND cấp huyện	270.000.000	
14	Triển khai tích hợp chữ ký số trên thiết bị di động của phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	600.000.000	
15	Lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc tỉnh Kiên Giang”	Sở Thông tin và Truyền thông		50.000.000	
II	Cấp bổ sung kinh phí các chương trình dự án đã được phê duyệt				
1	Xây dựng phần mềm trung gian tích hợp giữa phần mềm một cửa điện tử và phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc.	Văn phòng UBND tỉnh		764.200.000	Cấp bổ sung
2	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về họp đồng, giao dịch đã được công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Tư pháp		922.183.000	Cấp bổ sung

STT	Hoạt động ứng dụng CNTT	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kinh phí	Ghi chú
III	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp				
1	Nâng cấp Công dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm PVHCC tỉnh	1.000.000.000	
2	Nâng cấp Trang thông tin điện tử kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm PVHCC tỉnh	400.000.000	
3	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử một số sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông		300.000.000	
IV	Công tác đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước				
1	Kinh phí hoạt động Đội Ứng cứu sự cố máy tính tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		100.000.000	
2	Tổ chức Hội thảo An toàn thông tin năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông		100.000.000	
V	Hoạt động sự nghiệp CNTT khác				
1	Tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		400.000.000	
2	Hội thi Tin học trẻ tỉnh	Tỉnh đoàn		160.000.000	
3	Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Kiên Giang	Trung tâm CNTT&TT		2.400.000.000	
4	Kinh phí hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		300.000.000	
5	Kinh phí hoạt động sự nghiệp CNTT Sở Thông tin và Truyền thông - Thường trực Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		811.617.000	
	TỔNG CỘNG			16.000.000.000	



PHỤ LỤC II

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2020 SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số 176 /KH-UBND ngày 27 / 12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

đvt: đồng

STT	Dự án	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kinh phí	Ghi chú
1	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS - Bản đồ số) tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2019 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành	10.000.000.000	Nghị quyết số 261/2019/NQ-HĐND ngày 21/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ kết nối liên thông các hệ thống thông tin và ứng dụng tỉnh Kiên Giang (LGSP)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	7.000.000.000	
3	Đầu tư xây dựng Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng và quản lý điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	10.000.000.000	
4	Triển khai hệ thống một cửa điện tử tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các xã, phường, thị trấn	15.000.000.000	
TỔNG CỘNG				42.000.000.000	